

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 05 năm 2016 - 2020, năm tổ chức Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI. Do vậy, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và quán triệt sâu sắc phương châm hành động của Chính phủ “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kỳ quyết và kịp thời của Tỉnh ủy, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân đã góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020.

Những tháng đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, cùng với đó là tình trạng hạn hán đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thu, chi ngân sách. Tuy nhiên, với sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với các cấp chính quyền địa phương nên chưa ghi nhận ca mắc bệnh trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề và niềm tin vững chắc để người dân khôi phục sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) 10 tháng đầu năm và ước thực hiện những tháng cuối năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2020 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng thu 5.695 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa 5.673 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 22 tỷ đồng. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất 483 tỷ đồng thì dự toán

thu NSNN là 5.212 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa 5.190 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 22 tỷ đồng. Ước tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh là 5.688 tỷ đồng (chưa bao gồm dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất 483 tỷ đồng), đạt 109,13% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; trong đó, thu nội địa 5.673 tỷ đồng, đạt 109,3% dự toán và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 15 tỷ đồng, bằng 68,18% dự toán. Về nguồn thu và đơn vị thu cụ thể như sau:

- Về nguồn thu: có 8/16 nguồn thu đạt và vượt dự toán, tiêu biểu như: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 1.756,9 tỷ đồng, đạt 106,03% dự toán; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 30 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; thuế bảo vệ môi trường 500 tỷ đồng, đạt 116,28%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 4,71 tỷ đồng, đạt 117,75% dự toán; thu từ hoạt động xổ số 1.170 tỷ đồng, đạt 101,74% dự toán; thu khác ngân sách 416,8 tỷ đồng, đạt 277,87% dự toán.

- Về đơn vị thu: có 9/9 đơn vị huyện, thành phố thu đạt và vượt dự toán; trong đó, một số đơn vị đạt cao như: huyện Năm Căn đạt 120,8%, huyện U Minh đạt 120%, huyện Trần Văn Thời đạt 116,5%, huyện Đầm Dơi đạt 110,7%, huyện Phú Tân đạt 110%.

2. Chi ngân sách địa phương

Năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi ngân sách địa phương (NSDP) là 11.419,30 tỷ đồng (đã bao gồm dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất 483 tỷ đồng), tăng 6,12% so với dự toán Trung ương giao (10.760,66 tỷ đồng); trong đó, chi trong cân đối ngân sách 9.242,19 tỷ đồng (chi đầu tư phát triển 2.680,09 tỷ đồng, chi thường xuyên 6.388,44 tỷ đồng), chi các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia 2.177,11 tỷ đồng. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất 483 tỷ đồng thì tổng chi NSDP là 10.936,30 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển 2.197,097 tỷ đồng; chi thường xuyên 6.388,44 tỷ đồng; chi thực hiện các mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia 2.177,11 tỷ đồng.

Ước tổng chi NSDP là 11.944,68 tỷ đồng, bằng 104,6% dự toán; trong đó, chi trong cân đối NSDP 8.840,95 tỷ đồng, đạt 95,66% dự toán. Cụ thể một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 là 2.680,09 tỷ đồng. Ước thực hiện 2.203,77 tỷ đồng (đã bao gồm giải ngân vốn năm trước chuyển sang), bằng 82,23% kế hoạch vốn, trong đó:

- Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 là 2.022,28 tỷ đồng/2.680,09 tỷ đồng, đạt 75,45% kế hoạch, cụ thể:

+ Giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung là 683,85 tỷ đồng/702,09 tỷ đồng, đạt 97,4% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn sử dụng đất cấp huyện quản lý là 132 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

+ Giải ngân chi đầu tư từ nguồn thu tiền thuê đất, tiền thu mặt đất, mặt nước nhà đầu tư ứng trước 0 tỷ đồng/483 tỷ đồng (do không phát sinh);

+ Giải ngân nguồn vốn xổ số kiến thiết là 993,44 tỷ đồng/1.150 tỷ đồng, đạt 86,39% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn bội chi NSDP 21 tỷ đồng, đạt 100% dự toán;

+ Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh là 23,89 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

+ Bổ sung cho Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 168,07 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Ước giải ngân nguồn vốn các năm trước chuyển sang là 181,488 tỷ đồng/191,64 tỷ đồng, bằng 94,7% kế hoạch vốn, cụ thể:

+ Giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung là 137,96 tỷ đồng/148,12 tỷ đồng, đạt 93,14% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn vốn xổ số kiến thiết là 43,52 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

Mặc dù ngay từ đầu năm nguồn vốn đầu tư phát triển đã được giao chi tiết theo từng danh mục dự án, công trình để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện; bên cạnh đó, công tác quản lý, điều hành được chú trọng, tăng cường; các cơ quan chuyên môn quản lý vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các luật và văn bản pháp luật có liên quan đến đầu tư công; thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện và giải ngân các dự án, công trình. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư phát triển giải ngân không đạt kế hoạch là do một số dự án còn vướng trong khâu giải phóng mặt bằng dẫn đến chậm tiến độ; một số dự án phải thực hiện các bước điều chỉnh thủ tục hồ sơ (điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh bản vẽ thiết kế thi công, điều chỉnh dự toán,...).

b) Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên năm 2020 được bố trí 6.388,44 tỷ đồng, chiếm 69,12% tổng chi cân đối NSDP. Trung ương bổ sung trong dự toán đầu năm là 517,74 tỷ đồng để thực hiện một số chế độ, chính sách an sinh xã hội. Ước thực hiện 6.635,27 tỷ đồng, đạt 103,86% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: dự toán giao 1.328,76 tỷ đồng, ước chi 1.354,33 tỷ đồng, đạt 101,92% dự toán. Chủ yếu chi thực hiện công tác duy tu, sửa chữa công trình giao thông; nạo vét, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; kiến thiết thị chính (cây xanh đô thị); thực hiện chính sách phát triển đất trồng lúa và một số nhiệm vụ phát sinh do Trung ương hỗ trợ có mục tiêu trong năm để thực hiện như: hỗ trợ khẩn cấp công tác phòng chống sạt lở bờ sông, đê biển, thực hiện các công trình phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn,...

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: dự toán giao 2.313,73 tỷ đồng, ước chi 2.353,94 tỷ đồng, đạt 101,74% dự toán. Chi tăng so với với dự toán

là do bổ sung kinh phí cho các huyện, thành phố Cà Mau để thực hiện hoàn trả ngân sách tạm ứng năm trước để mua sắm trang thiết bị dạy học và chi từ nguồn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình, chế độ, chính sách.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: dự toán giao 620,52 tỷ đồng, ước chi 662,68 tỷ đồng, đạt 106,79% dự toán. Chi tăng so với dự toán là do sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để mua sắm trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (trên 47 tỷ đồng); chi hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác.

- Chi quản lý hành chính: dự toán giao 1.307,82 tỷ đồng, ước chi 1.282,86 tỷ đồng, đạt 98,09% dự toán. Chi không đạt dự toán là do giảm kinh phí tổ chức Hội nghị, các lớp tập huấn; tiết kiệm chi thường xuyên và giảm dự toán theo tinh thần Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

- Chi đảm bảo xã hội: dự toán giao 320,73 tỷ đồng, ước chi 486,47 tỷ đồng, đạt 151,68% dự toán. Chi tăng so với dự toán là do phát sinh chi hỗ trợ cho các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; chi các chế độ, chính sách an sinh xã hội từ ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Chi Quốc phòng - An ninh: dự toán giao 187,57 tỷ đồng, ước chi 190,63 tỷ đồng, đạt 101,6% dự toán. Chi tăng so với dự toán là do đầu năm tập trung cho công tác huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, cùng một số chế độ, chính sách được Trung ương bổ sung có mục tiêu.

Nhìn chung, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020; về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2020 và theo dõi chỉ đạo, đôn đốc thực hiện; do vậy, mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực của tình hình dịch bệnh Covid-19 và tình trạng biến đổi khí hậu gây ra các hình thái thời tiết cực đoan dẫn đến công tác thu trong cân đối ngân sách năm 2020 đạt thấp so với dự toán (ước tổng thu được hưởng năm 2020 là 5.258,72 tỷ đồng, đạt 98,70% dự toán (5.327,96 tỷ đồng); tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cố gắng khắc phục những khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành ngân sách để đảm bảo các khoản chi lương, các khoản có tính chất lương, chế độ, chính sách cho con người, các chế độ an sinh - xã hội.

c) Chi chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu

Dự toán chi chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 là 2.177,11 tỷ đồng. Ước thực hiện 2.166,763 tỷ đồng, đạt 99,52% so với dự toán. Trong đó:

- Giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia 235,61 tỷ đồng, đạt 85,39% kế hoạch (275,929 tỷ đồng).

- Giải ngân vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư mục tiêu 971,40 tỷ đồng, đạt 70,22% dự toán (971,40 tỷ đồng/1.383,45 tỷ đồng); giải ngân vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư mục tiêu năm trước chuyển sang 164,23 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vốn Trung ương hỗ trợ chi thường xuyên thực hiện 517,74 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; vốn Trung ương hỗ trợ mục tiêu năm trước chuyển sang và Trung ương bổ sung trong năm thực hiện 277,79 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao chi tiết từng danh mục, dự án, công trình thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 để các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án, chương trình. Tuy nhiên, có một số nguồn vốn giải ngân không đạt dự toán là do vào những tháng đầu năm dịch Covid-19 bùng phát và kéo dài, thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nên không thể thực hiện được một số chương trình dự án (đào tạo nghề, xuất khẩu lao động,...). Bên cạnh đó, tình trạng hạn hán dẫn đến các kênh, rạch bị khô cạn và sụt lún một số tuyến đường giao thông nông thôn làm tắt nghẽn giao thông cả đường thủy lẫn đường bộ, ảnh hưởng đến việc cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu để phục vụ thi công các dự án, công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II, III - Biểu mẫu số 12, 13, 14 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

d) Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2020 được bố trí là 99,14 tỷ đồng; thực hiện chi đến ngày 30/10/2020 là 69,299 tỷ đồng, đạt 69,90% dự toán. Việc sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh những tháng đầu năm chủ yếu phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; mua sắm trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác chưa được bố trí dự toán thực hiện.

(Chi tiết sử dụng dự phòng theo Phụ lục VIII kèm theo).

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ, CÔNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ

1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền và trình cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa để triển khai thực hiện; qua đó, đã giải quyết kịp thời những vấn đề tồn tại, vướng mắc thực tiễn trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý giá; giúp cho công tác quản lý nhà nước về tài sản công, quản lý nhà nước về giá ngày càng đi vào nề nếp, phát huy được hiệu quả, phục vụ tốt cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Lĩnh vực quản lý giá

Thực hiện Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thành lập Đoàn công tác thực hiện kiểm tra tình hình giá cả thị trường; trong đó, tập trung kiểm tra việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết; phát hiện các sai phạm và xử lý theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, tình hình giá cả thị trường trong tỉnh tương đối ổn định; tại các chợ và trung tâm mua sắm trong tỉnh tập trung nhiều hàng hóa phục vụ Tết, đa dạng về chủng loại và kiểu dáng, giá tương đối ổn định do lượng cung cấp dồi dào, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá gây bất ổn thị trường.

3. Lĩnh vực quản lý công sản

Công tác quản lý công sản được thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà soát tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; chấn chỉnh, xử lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công là đất đai, trụ sở làm việc không chặt chẽ nhằm hạn chế, khắc phục tình trạng bị lấn, chiếm hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Về lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Trong năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 04 Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 503 cơ sở nhà, đất và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các trình tự, thủ tục xử lý theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 14 đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, làm cơ sở cho các đơn vị thực hiện nhằm đưa tài sản vào khai thác mang lại hiệu quả cao hơn. Nhìn chung, các đơn vị đều quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đúng theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu suất quản lý, sử dụng tài sản công, tăng nguồn thu bổ sung vào kinh phí hoạt động của các đơn vị.

4. Công tác quản lý vốn đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm công tác quyết toán dự án hoàn thành theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các chủ đầu tư chủ động, thường xuyên rà soát tình hình thực hiện các dự án, công trình để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc, đôn đốc lập, trình thẩm tra phê duyệt quyết toán đảm bảo thời gian theo quy định, tránh để xảy ra tình trạng tồn đọng. Từ đó, các chủ đầu tư đã tích cực thực hiện công tác quyết toán dự án, công trình

hoàn thành, góp phần làm giảm đáng kể số lượng dự án, công trình tồn đọng. Đến ngày 31/10/2020, tổng số hồ sơ tiếp nhận thực hiện thẩm tra quyết toán là 376 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 2.849,54 tỷ đồng; đã thẩm tra quyết toán 335 hồ sơ, giá trị quyết toán 1.947,99 tỷ đồng; từ chối quyết toán 16,56 tỷ đồng đối với các nội dung chi phí không đúng quy định hoặc không đủ điều kiện thanh toán như chi phí quản lý dự án, chi phí kiểm toán, chi phí khảo sát,...

- Công tác xử lý tất toán các dự án, công trình được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện; bên cạnh đó, vẫn còn một số chủ đầu tư chưa thực hiện tốt, dẫn đến còn nhiều dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa xử lý tất toán. Đến ngày 31/10/2020, tổng số dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chưa tất toán là 277 dự án, công trình với tổng số ngân sách phải cấp bổ sung 29,36 tỷ đồng, số ngân sách phải thu hồi là 30,13 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH, QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2020

1. Về thu ngân sách

a) Thuận lợi

- Dự toán thu ngân sách năm 2020 được xây dựng phù hợp với quy mô và tiềm lực của từng ngành, lĩnh vực kinh tế của địa phương; công tác giao dự toán và hướng dẫn thực hiện dự toán được thực hiện kịp thời, đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

- Công tác thu ngân sách luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động tăng cường, quyết liệt chỉ đạo ngành Thuế và các ngành có liên quan triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa tăng cường quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; trong đó, tập trung hướng dẫn các doanh nghiệp quyết toán các khoản thuế phát sinh năm 2019, đơn đốc kê khai, nộp kịp thời các khoản thuế phát sinh, khai thác các khoản thu vãng lai thuế nhà thầu xây dựng cơ bản, thu tiền sử dụng đất các khu dân cư, khu đô thị mới.

- Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ với các Sở, ngành nhằm kịp thời đưa ra giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; ngoài ra, các cơ chế, chính sách về thuế được sửa đổi, bổ sung kịp thời để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; từ đó, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không ngừng nỗ lực, phấn đấu vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, nên nhiều khoản thu của ngân sách được khai thác có hiệu quả.

- Các ngành, các cấp đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý chi ngân sách từ khâu lập đến phân bổ, điều hành dự toán; quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội và dự toán NSNN năm 2020; về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2020.

- Quá trình triển khai thực hiện dự toán thu có nhiều điều kiện thuận lợi: khai thác thu và nguồn thu đột biến tăng khoảng 800 tỷ đồng; trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kê khai bổ sung thuế GTGT năm 2019 tăng thêm 137 tỷ đồng, tăng thu tiền sử dụng đất 151 tỷ đồng và tiền chậm nộp trên 265 tỷ đồng, thu thuế bảo vệ môi trường của Chi nhánh Công ty Long Hưng 50 tỷ đồng;...

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tình hình quản lý thu ngân sách năm 2020 vẫn còn một số khó khăn nhất định, cụ thể:

- Những tháng đầu năm, dịch bệnh Covid-19 xuất hiện, lây lan và bùng phát, cùng với đó là tình trạng hạn hán đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội của tỉnh; một số chỉ tiêu kinh tế đạt thấp, tốc độ tăng trưởng chậm lại, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ giảm; kim ngạch xuất khẩu đạt thấp và giảm so với thực hiện cùng kỳ; số lượng doanh nghiệp thành lập mới và thu hút đầu tư giảm; lượng khách tham quan du lịch giảm 26,6%;... từ đó, đặt ra cho ngành Thuế những khó khăn trong việc triển khai thực hiện dự toán ngân sách.

- Khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh thuế phát sinh đạt thấp do thực hiện một số chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung theo hướng miễn, giảm để hỗ trợ cho người nộp thuế, cụ thể như: không thu thuế GTGT đối với các mặt hàng nông lâm thủy sản chưa qua chế biến; các sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; miễn thuế TNDN đối với một số ngành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; thực hiện một số chính sách miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp trước tác động của dịch bệnh Covid-19.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh đối với một số ngành nghề hiện nay đang khó khăn, một số hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng kinh doanh do thiếu vốn, thiếu lao động, cụ thể như: các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng, tư vấn giám sát, thiết kế; kinh doanh bất động sản, các nhà máy chế biến xuất khẩu,... dẫn đến kê khai thuế phát sinh rất thấp, thậm chí không phát sinh thuế.

- Thị trường bán lẻ đối với các doanh nghiệp trong tỉnh bị thu hẹp do các Tập đoàn, Tổng Công ty ngoài tỉnh phủ kín, như: Sài Gòn Coopmart, Nguyễn Kim, hệ thống kinh doanh điện máy xanh, thế giới di động, điện máy chợ lớn, các chi nhánh doanh nghiệp viễn thông Viettel, FPT, thời trang, mỹ phẩm, thuốc tân dược,... giá bán theo chuỗi kinh doanh, thuế GTGT phát sinh thấp, trong khi đó thuế TNDN khai nộp tại sở chính thuộc các thành phố lớn.

2. Về chi ngân sách

a) Thuận lợi

- Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tích cực ngay từ đầu năm; theo đó, giao trách nhiệm cho các cơ quan,

đơn vị, các chủ đầu tư và quy định tiến độ giải ngân theo từng quý. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thực hiện thông qua các phiên họp hàng tháng, hàng quý và đánh giá chuyên đề về đầu tư công, cũng như tại các cuộc họp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

- Trong điều hành chi ngân sách, các ngành, các cấp luôn bám sát dự toán được cấp thẩm quyền giao và thực hiện tốt các nhóm giải pháp quản lý, điều hành ngân sách. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 theo hướng điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ dự án có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc không có khả năng giải ngân trong năm 2020 để điều chỉnh tăng cho dự án có nhu cầu bổ sung vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường theo dõi tiến độ thực hiện và đôn đốc các chủ đầu tư tập trung thực hiện các dự án, công trình sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; tuy nhiên, tiến độ giải ngân các dự án, công trình còn chậm. Nguyên nhân là do một số đơn vị thực hiện lựa chọn nhà thầu qua hình thức đấu thầu mất nhiều thời gian; một số chủ đầu tư lập thủ tục đầu tư và triển khai thi công dự án còn chậm.

3. Về quản lý giá, công sản và đầu tư

a) Thuận lợi

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể hóa được ban hành kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương thực hiện; công tác quản lý, sử dụng tài sản công được các cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm thực hiện, từng bước đi vào nề nếp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài sản được đẩy mạnh; hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đều công khai và báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản để cập nhật vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước 4.0, giúp cho việc quản lý tài sản được chặt chẽ hơn.

- Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng; từ đó, công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

b) Khó khăn

- Một số cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản chưa được chặt chẽ, không hiệu quả, đặc biệt là các cơ sở nhà, đất, dẫn đến bị lấn chiếm, tranh chấp.

- Một số chủ đầu tư chưa quan tâm đến công tác quyết toán, tắt toán dự án hoàn thành; vẫn còn nhiều dự án, công trình chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và chưa xử lý tắt toán theo quy định.

Mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn, thách thức, song công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2020 của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng và an ninh địa phương.

PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2021

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ NSNN năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao và tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị với những nội dung chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2021

1. Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2021

a) Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2021 là 5.478,70 tỷ đồng, bằng 95,45% so với dự toán năm 2020 (5.695 tỷ đồng) và bằng 96,32% so với ước thực hiện năm 2020 (5.688 tỷ đồng). Trong đó, thu nội địa 5.462,70 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 16 tỷ đồng.

b) Chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP năm 2021 là 10.610,07 tỷ đồng, bằng 92,91% so với dự toán năm 2020 (11.419,30 tỷ đồng). Trong đó, chi cân đối NSDP là 8.918,90 tỷ đồng, chi các chương trình mục tiêu 1.691,17 tỷ đồng.

2. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương năm 2021

a) Tổng thu NSDP 10.610,07 tỷ đồng, bao gồm:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	5.019,6 tỷ đồng;
- Bổ sung từ ngân sách Trung ương:	5.354,35 tỷ đồng.
+ Bổ sung cân đối ổn định:	3.196,43 tỷ đồng;
+ Bổ sung cân đối tăng thêm của năm 2020:	129,00 tỷ đồng.
+ Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương:	337,76 tỷ đồng;
+ Bổ sung có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia:	1.691,17 tỷ đồng;
- Thu từ nguồn vay:	90,00 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	146,12 tỷ đồng.

b) Tổng chi NSDP 10.610,07 tỷ đồng, trong đó:

- Chi trong cân đối ngân sách:	8.918,90 tỷ đồng;
+ Chi đầu tư phát triển (không phát sinh trả nợ gốc):	2.452,09 tỷ đồng;
+ Chi thường xuyên:	6.287,95 tỷ đồng;
+ Chi trả nợ lãi vay:	2,97 tỷ đồng;
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,00 tỷ đồng;
+ Chi dự phòng:	174,88 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu:	1.691,17 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV, V, VI, VII - Biểu mẫu số 15, 16, 17, 18 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

3. Phân bổ một số nhiệm vụ chi chủ yếu

a) Chi đầu tư phát triển 2.452,09 tỷ đồng, chiếm 27,49% tổng chi cân đối ngân sách, bằng 91,49% so với dự toán năm 2020 (2.680,09 tỷ đồng).

b) Chi thường xuyên 6.287,95 tỷ đồng, chiếm 70,50% tổng chi cân đối ngân sách, bằng 98,43% so dự toán năm 2020 (6.388,44 tỷ đồng), trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.399,5 tỷ đồng, chiếm 38,16% tổng chi thường xuyên, tăng 3,71% so dự toán năm 2020;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 34,73 tỷ đồng, chiếm 0,55% tổng chi thường xuyên, tăng 22,18% so dự toán năm 2020;

c) Dự phòng ngân sách 174,88 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 1,82% so dự toán năm 2020.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2021

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch Tài chính 05 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 của cả nước nói chung, tỉnh Cà Mau nói riêng từng bước đi vào ổn định, phục hồi và tăng trưởng hậu đại dịch Covid-19; do đó, nhằm phát huy những điều kiện thuận lợi, tận dụng cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội và chủ động khắc phục, ứng phó với những thách thức, khó khăn, đặc biệt là tình hình dịch bệnh, thiên tai còn đang diễn biến phức tạp để hướng tới thực hiện thắng lợi nhiệm vụ điều hành NSNN 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Triển khai đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo về quản lý, điều hành NSNN của Chính phủ, Bộ Tài chính; tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phục hồi và

phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đạt tăng trưởng ở mức cao nhất, vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh. Ngành Tài chính cần chủ động rà soát các nguồn thu, triển khai giao nhiệm vụ phấn đấu thu cho các đơn vị trong toàn ngành; theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; trong đó, ngành Thuế tiếp tục phối hợp chặt chẽ các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác nguồn thu, tăng cường chống thất thu thuế theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; hạn chế thất thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2021 đi đôi với quản lý hiệu quả đầu tư công và chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định hiện hành đảm bảo nhanh chóng, chính xác, khách quan, công khai, dân chủ.

3. Phân bổ ngân sách cho các ngành, các cấp và đơn vị thụ hưởng ngân sách đúng luật định. Ngành Tài chính thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình và phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, để kịp thời đề ra những giải pháp quản lý có hiệu quả. Tập trung chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách theo dự toán được giao theo đúng quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Phấn đấu thu đạt và vượt dự toán được cấp thẩm quyền giao và duy trì các nguồn thu chiếm tỷ lệ cao trong tổng thu ngân sách. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán, chi vượt khả năng cân đối của từng cấp ngân sách. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt giảm, điều chỉnh nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo không mất cân đối ngân sách.

4. Ngành Thuế đẩy mạnh các biện pháp quản lý, khai thác tốt các nguồn thu, trong đó chú trọng đến một số nguồn thu chủ lực của tỉnh, phấn đấu thu đầy đủ và kịp thời vào NSNN. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn kịp thời cho doanh nghiệp; chủ động tham mưu, kiến nghị cơ chế chính sách thuế phù hợp với thực tiễn để cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế tiếp tục duy trì, ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu bền vững cho NSNN, đồng thời góp phần khuyến khích hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp.

5. Các Sở, ban, ngành, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình xây dựng cơ bản của cấp mình quản lý, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, nhất là ngành Tài chính phải quyết tâm phấn đấu khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ

động thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhằm thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2021.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (*gửi kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII*). Báo cáo này thay thế Báo cáo số 358/BC-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Đ11.06) (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



PHỤ LỤC I

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh ⁽²⁾	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	11.419.299	11.944.678	525.379	104,60
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.327.960	5.258.720	-69.240	98,70
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.426.650	2.405.900	-20.750	99,14
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.901.310	2.852.820	-48.490	98,33
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.950.299	6.063.089	112.790	101,90
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.325.428	3.325.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	302.470	302.470	0	100,00
3	Thu bổ sung có mục tiêu	2.322.401	2.435.191	112.790	104,86
III	Thu từ nguồn vay	21.000	21.000	0	100,00
IV	Thu kết dư		121.147		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	120.040	480.722		
B	TỔNG CHI NSDP	11.419.299	11.944.678	525.379	104,60
I	Tổng chi cân đối NSDP	9.242.188	8.840.945	-229.494	95,66
1	Chi đầu tư phát triển ⁽¹⁾	2.680.097	2.203.773	-476.324	82,23
2	Chi thường xuyên	6.388.442	6.635.272	246.830	103,86
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	900	0	100,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	171.749			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.177.111	2.166.763	-10.348	99,52
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	275.929	235.608	-40.321	85,39
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.901.182	1.931.155	29.973	101,58
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		936.970		
C	BỘI CHI NSDP	21.000	21.000	21.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh ⁽²⁾	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
D	BỘI THU NSDP	29.939			
E	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	29.939	29.939	0	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	29.939	29.939	0	
G	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	21.000	0	
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc	21.000	21.000		

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.

(2) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

PHỤ LỤC II

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020		Ước thực hiện năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.695.000	5.327.960	5.688.000	5.258.720	99,88	98,7
I	Thu nội địa	5.673.000	5.327.960	5.673.000	5.258.720	100,00	98,70
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.657.000	1.657.000	1.756.900	1.756.900	106,03	106,03
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	465.000	465.000	445.000	445.000	95,70	95,70
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.188.000	1.188.000	1.307.900	1.307.900	110,09	110,09
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				0		
	- Thu khác				0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	90.000	90.000	70.000	70.000	77,78	77,78
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.500	46.500	26.600	26.600		
	- Thuế tài nguyên	5.000	5.000	7.200	7.200		
	- Thuế giá trị gia tăng	38.000	38.000	35.900	35.900		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	500	500	300	300		
	- Thu khác				0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000	30.000	30.000	30.000	100,00	100,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	9.000	15.000	15.000		
	- Thuế tài nguyên	5	5	100	100		
	- Thuế giá trị gia tăng	20.995	20.995	14.900	14.900		
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0		0		
	- Thu khác				0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600.000	600.000	481.000	481.000	80,17	80,17
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.450	181.450	122.400	122.400		
	- Thuế tài nguyên	6.645	6.645	5.280	5.280		
	- Thuế giá trị gia tăng	409.950	409.950	352.360	352.360		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.955	1.955	960	960		
	- Thu khác				0		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020		Ước thực hiện năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	345.500	345.500	90,92	90,92
6	Thuế bảo vệ môi trường	430.000	159.960	500.000	186.000	116,28	116,28
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	159.960	159.960	186.000	186.000	116,28	116,28
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	270.040		314.000		116,28	
7	Lệ phí trước bạ	180.000	180.000	158.900	158.900	88,28	88,28
8	Thu phí, lệ phí	85.000	65.450	77.900	56.800	91,65	86,78
-	Phí và lệ phí trung ương	19.550		21.100		107,93	
-	Phí và lệ phí địa phương thu	65.450	65.450	56.800	56.800	86,78	86,78
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	80	80		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	4.710	4.710	117,75	117,75
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50.000	50.000	50.110	50.110	100,22	100,22
12	Thu tiền sử dụng đất	843.000	843.000	595.200	595.200	70,60	70,60
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0			0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.150.000	1.150.000	1.170.000	1.170.000	101,74	101,74
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	2.000	4.100	4.100	205,00	205,00
16	Thu khác ngân sách	150.000	94.550	416.800	337.620	277,87	357,08
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	1.800	1.800	90,00	90,00
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức	20.000	20.000	10.000	10.000	50,00	50,00
II	Thu từ dầu thô						
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	22.000	0	15.000	0	68,18	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	21.000		10.900		51,90	
2	Thuế nhập khẩu	1.000		4.000		400,00	
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0		100			
III	Thu viện trợ						



PHỤ LỤC III

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**
(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	11.419.299	11.944.678	525.380	104,60
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.242.188	8.840.945	-401.242	95,66
I	Chi đầu tư phát triển ⁽¹⁾	2.680.097	2.203.773	-476.324	82,23
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.488.127	2.011.803	-476.324	80,86
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung ⁽²⁾	702.097	821.813	119.716	117,05
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	132.030	132.030	0	100,00
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu mặt đất, mặt nước nhà đầu tư ứng trước	483.000		-483.000	0,00
1.4	Chi đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	1.150.000	1.036.960	-113.040	90,17
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	21.000	0	100,00
2	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	23.893	23.893	0	100,00
3	Chi bổ sung quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	168.077	168.077	0	100,00
II	Chi thường xuyên	6.388.442	6.635.272	246.831	103,86
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.313.728	2.353.944	40.216	101,74
2	Chi khoa học và công nghệ	28.430	37.210	8.780	130,88
3	Quốc phòng	151.241	153.303	2.062	101,36
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	37.325	995	102,74
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	620.520	662.679	42.159	106,79
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	67.226	63.161	-4.065	93,95
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.024	21.799	-225	98,98
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	30.672	28.893	-1.779	94,20
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	97.715	90.054	-7.661	92,16
10	Các hoạt động kinh tế	1.328.758	1.354.325	25.567	101,92
11	Chi quản lý hành chính	1.307.820	1.282.860	-24.960	98,09
12	Chi đảm bảo xã hội	320.725	486.467	165.742	151,68
13	Chi khác ngân sách	63.252	63.252	0	100,00

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	900	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100
V	Dự phòng ngân sách	171.749			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.177.111	2.166.763	-10.348	99,52
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	275.929	235.608	-40.321	85,39
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	51.919	42.409		
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	224.010	193.199		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.901.182	1.931.155	29.973	101,58
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	418.900	328.822	-90.078	78,50
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	964.547	806.808	-157.739	83,65
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	517.735	795.525	277.790	153,65
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		936.970		

Ghi chú:

(1) Ước thực hiện chi đầu tư phát triển năm 2020 là 2.203.773 triệu đồng, đạt 82,23% dự toán (2.680.097 triệu đồng), bao gồm:

- Ước thực hiện theo Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020: 2.022.285 triệu đồng, bằng 75,46% so với dự toán (2.680.097 triệu đồng);

- Ước thực hiện theo Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 chuyển sang năm 2020: 181.488 triệu đồng, đạt 94,7% kế hoạch (191.643 triệu đồng).

(2) Ước giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung năm 2020 là 821.813 triệu đồng/850.217 triệu đồng, trong đó:

+ Giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung theo kế hoạch năm 2020 là 683.848 triệu đồng/702.097 triệu đồng, đạt 97,4% kế hoạch;

+ Giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung năm trước chuyển sang là 137.965 triệu đồng/148.120 triệu đồng.




PHỤ LỤC IV
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh ⁽²⁾	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	11.419.299	11.944.678	10.610.073	-1.334.605	88,83
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.327.960	5.258.720	5.019.600	-239.120	95,45
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.426.650	2.405.900	2.102.060	-303.840	87,37
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.901.310	2.852.820	2.917.540	64.720	102,27
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.950.299	6.063.089	5.354.350	-708.739	88,31
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.325.428	3.325.428	3.325.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	302.470	302.470	337.756	35.286	111,67
3	Thu bổ sung có mục tiêu	2.322.401	2.435.191	1.691.166	-744.025	69,45
	<i>Trong đó: Bao gồm bổ sung bù giảm thu để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>		<i>-145.290</i>	<i>0,00</i>
III	Thu từ nguồn vay	21.000	21.000	90.000	69.000	428,57
IV	Thu kết dư	0	121.147		-121.147	0,00
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	120.040	480.722	146.123	-334.599	30,40



STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh ⁽²⁾	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
B	TỔNG CHI NSDP	11.419.299	11.944.678	10.610.073	-809.226	92,91
I	Tổng chi cân đối NSDP	9.242.188	8.840.945	8.918.907	-323.281	96,50
1	Chi đầu tư phát triển ⁽¹⁾	2.680.097	2.203.773	2.452.097	-228.000	91,49
2	Chi thường xuyên	6.388.442	6.635.272	6.287.956	-100.486	98,43
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	900	2.973	2.073	330,37
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	171.749		174.881	3.132	101,82
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.177.111	2.166.763	1.691.166	-485.945	77,68
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	936.970	0	0	
C	BỘI CHI NSDP	21.000	21.000	90.000	69.000	428,57
D	BỘI THU NSDP	29.939	29.939	0	-29.939	0,00
E	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	29.939	29.939	0	-29.939	0,00
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0		0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	29.939	29.939		-29.939	0,00
G	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	0	90.000	* 69.000	428,57

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2021 là 0 triệu đồng.

(2) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.





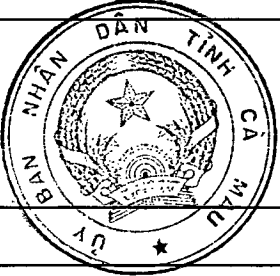
PHỤ LỤC V

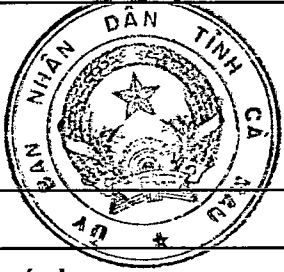
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

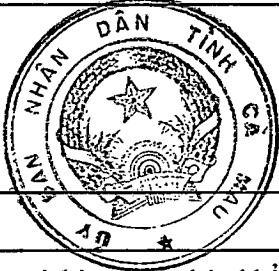
(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.688.000	5.258.720	5.478.700	5.019.600	96,32	95,45
I	Thu nội địa	5.673.000	5.258.720	5.462.700	5.019.600	96,29	95,45
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.756.900	1.756.900	1.740.000	1.740.000	99,04	99,04
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	445.000	445.000	438.000	438.000	98,43	98,43
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.307.900	1.307.900	1.298.000	1.298.000	99,24	99,24
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0		
	- Thu khác	0	0	0	0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	70.000	70.000	80.000	80.000	114,29	114,29
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.600	26.600	29.200	29.200	109,77	109,77
	- Thuế tài nguyên	7.200	7.200	7.500	7.500	104,17	104,17
	- Thuế giá trị gia tăng	35.900	35.900	43.000	43.000	119,78	119,78

STT	 Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	300	300	300	100,00	100,00
	- Thu khác	0	0	0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000	30.000	25.000	25.000	83,33	83,33
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000	15.000	14.900	14.900	99,33	99,33
	- Thuế tài nguyên	100	100	100	100	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	14.900	14.900	10.000	10.000	67,11	67,11
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	0	0		
	- Thu khác	0	0	0	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	481.000	481.000	540.000	540.000	112,27	112,27
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.400	122.400	150.800	150.800	123,20	123,20
	- Thuế tài nguyên	5.280	5.280	5.560	5.560	105,30	105,30
	- Thuế giá trị gia tăng	352.360	352.360	382.645	382.645	108,59	108,59
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	960	960	995	995	103,65	103,65
	- Thu khác	0	0	0	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	345.500	345.500	355.000	355.000	102,75	102,75
6	Thuế bảo vệ môi trường	500.000	186.000	550.000	204.600	110,00	110,00
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)	186.000	186.000	204.600	204.600	110,00	110,00
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 62,8% tổng thu)	314.000	0	345.400	0	110,00	

STT	 Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
7	Lệ phí trước bạ	158.900	158.900	175.000	175.000	110,13	110,13
8	Thu phí, lệ phí	77.900	56.800	92.700	60.000	119,00	105,63
	- Phí và lệ phí trung ương	21.100	0	32.700	0	154,98	
	- Phí và lệ phí địa phương	56.800	56.800	60.000	60.000	105,63	105,63
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	80	80	0	0	0,00	0,00
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.710	4.710	4.000	4.000	84,93	84,93
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50.110	50.110	25.000	25.000	49,89	49,89
12	Thu tiền sử dụng đất	595.200	595.200	400.000	400.000	67,20	67,20
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.170.000	1.170.000	1.300.000	1.300.000	111,11	111,11
15	Thu khác ngân sách	416.800	337.620	160.000	95.000	38,39	28,14
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.800	1.800	1.000	1.000	55,56	55,56
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	10.000	10.000	10.000	100,00	100,00
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.100	4.100	5.000	5.000	121,95	121,95
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000	0	16.000	0	106,67	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	10.900		15.000		137,61	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	4.000		1.000		25,00	

STT	 Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	100					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
III	Thu viện trợ						




PHỤ LỤC VI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2021 THEO CƠ CẤU CHI


(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.419.299	10.610.073	-809.225	92,91
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.242.188	8.918.907	-323.280	96,50
I	Chi đầu tư phát triển	2.680.097	2.452.097	-228.000	91,49
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.488.127	2.215.397	-272.730	89,04
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung ⁽¹⁾	702.097	702.097	0	100,00
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	132.030	123.300	-8.730	93,39
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu mặt đất, mặt nước Nhà đầu tư ứng trước	483.000		-483.000	
1.4	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.150.000	1.300.000	150.000	113,04
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	90.000	69.000	428,57
2	Chi bổ sung quỹ phát triển đất từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh	168.077	236.700	68.623	140,83
3	Chi bổ sung vốn điều lệ cho quỹ đầu tư phát triển và bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	23.893		-23.893	0,00
II	Chi thường xuyên	6.388.442	6.287.956	-100.485	98,43
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.313.728	2.400.065	86.337	103,73



STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	- Sự nghiệp giáo dục	2.140.024	2.253.051	113.027	105,28
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	173.705	147.015	-26.690	84,63
2	Chi khoa học và công nghệ	28.430	34.736	6.306	122,18
3	Quốc phòng	151.241	174.615	23.374	115,45
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	36.330	0	100,00
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	620.520	611.799	-8.721	98,59
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	67.226	63.109	-4.117	93,88
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.024	23.194	1.170	105,31
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	30.672	31.115	442	101,44
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	97.715	88.233	-9.482	90,30
10	Các hoạt động kinh tế	1.328.758	1.235.426	-93.332	92,98
11	Chi quản lý hành chính	1.307.820	1.222.372	-85.448	93,47
12	Chi đảm bảo xã hội	320.725	304.703	-16.022	95,00
13	Chi khác ngân sách	63.252	62.260	-992	98,43
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	2.973	2.073	330,37
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	171.749	174.881	3.132	101,82
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.177.111	1.691.166	-485.945	77,68



STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4=2/1</i>
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	275.929	0	-275.929	0,00
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	51.919		-51.919	0,00
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	224.010		-224.010	0,00
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.901.182	1.691.166	-210.016	88,95
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	418.900	265.000	-153.900	63,26
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	964.547	1.122.626	158.079	116,39
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	517.735	303.540	-214.195	58,63
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG	29.939	0		

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2021 là 0 triệu đồng.



PHỤ LỤC VII

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	5.258.720	5.019.600	-239.120
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.840.945	8.918.907	77.962
C	BỘI THU NSDP			0
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	1.051.744	1.003.920	-47.824
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	66.128	57.189	-8.939
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	6,29	5,70	-1
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	9.895	30.895	21.000
3	Vay trong nước khác	56.233	26.294	-29.939
II	Trả nợ gốc vay trong năm	29.939	0	-59.878
1	Theo nguồn vốn vay	29.939	0	-29.939
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn khác	29.939		-29.939

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh
A		1	2	3=2-1
2	Theo nguồn trả nợ	29.939	0	-29.939
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu NSĐP	29.939		-29.939
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
III	Tổng mức vay trong năm	21.000	90.000	
1	Theo mục đích vay	21.000	90.000	
-	Vay để bù đắp bội chi	21.000	90.000	
-	Vay để trả nợ gốc		0	
2	Theo nguồn vay	21.000	90.000	
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	21.000	90.000	
-	Vốn trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	57.189	116.294	0
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	5,44	11,58	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	30.895	90.000	
3	Vốn khác	26.294	26.294	0
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	900	2.973	2.073

PHỤ LỤC VIII




TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/10/2020

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị
A	B	1	2
	Tổng cộng	69.299	
1	Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới virus Corona gây ra, cho các đơn vị thuộc Sở Y tế	4.974	Sở Y tế
2	Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới virus Corona gây ra, cho các đơn vị thuộc Sở Y tế	8.630	Sở Y tế
3	Kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho cơ sở cách ly tập trung thuộc Sở Y tế	185	Sở Y tế
4	Cấp kinh phí tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg cho Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng	168	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
5	Cấp hỗ trợ kinh phí lắp đặt và vận hành hệ thống Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự năm 2020	995	Công an tỉnh
6	Bổ sung mua sắm thiết bị, vật tư y tế và kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 cho các đơn vị thuộc Sở Y tế	31.681	Sở Y tế
7	Kinh phí phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2019 - 2020	405	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
8	Cấp kinh phí đảm bảo nước ngọt sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên đảo Hòn Chuối	220	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
9	Bổ sung kinh phí sửa chữa Bệnh viện Quân Dân y thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1.150	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
10	Cấp kinh phí lắp đặt cần cẩu và mua xe máy phục vụ công tác tuần tra, vận chuyển lương thực, thực phẩm cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	120	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
11	Cấp kinh phí xử lý tạm ứng dịch tả lợn Châu Phi	8.634	Hỗ trợ các huyện, thành phố
12	Điều chỉnh và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	490	Sở Y tế



STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị
A	B	I	2
	Tổng cộng	69.299	
13	Hỗ trợ kinh phí cho hộ dân có diện tích trồng lúa bị thiệt hại do xâm nhập mặn trên địa bàn huyện Thới Bình năm 2020	27	Hỗ trợ huyện Thới Bình
14	Kinh phí san nền khu sau doanh trại và cải tạo, sửa chữa đường từ Ghềnh Nam lên Đồn Biên phòng Hòn Chuối	5.909	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
16	Kinh phí mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo năm 2020	91	Trường Chính trị
17	Kinh phí di dời, sửa chữa biển báo trong khu vực biên giới biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau	291	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
18	Kinh phí hội thao võ chiến đấu tay không cấp Quân khu năm 2020	300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
19	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	1.433	Hỗ trợ huyện Trần Văn Thời
20	Kinh phí tìm kiếm cứu nạn	88	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
21	Kinh phí xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, địa phương (DDCI)	1.227	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp
22	Kinh phí hỗ trợ cho hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi (nhu cầu phát sinh từ 01/01/2020 đến 30/6/2020)	40	Hỗ trợ huyện Trần Văn Thời
23	Kinh phí làm việc với đoàn công tác Trung ương	157	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
24	Kinh phí hỗ trợ cho vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng do đại dịch Covid-19	1.131	Các huyện, thành phố Cà Mau
26	Kinh phí cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	98	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
27	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai huyện Trần Văn Thời	857	Hỗ trợ huyện Trần Văn Thời